

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ TĨNH
TỈNH HÀ TĨNH**

Bản án số: 07/2018/HS-ST

Ngày: 08/02/2018

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TĨNH, TỈNH HÀ TĨNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đức Chính

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hậu Diệu
Ông Nguyễn Huy Hùng

- Thư ký Tòa án phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hằng- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hải- Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 02 năm 2018 tại hội trường xét xử Hình sự Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2018/ TLST-HS ngày 02 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2018/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo:

Đặng Tiến Đ, sinh ngày 01 tháng 10 năm 1974; Nơi ĐKKHKT và nơi sinh sống: số nhà 296, đường H, phường H, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Giám đốc DNTN Đ; Trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đặng Thế N, sinh năm 1949 và bà Phan Thị L (đã chết); có vợ và 03 con, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2013; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 02/6/2017 đến ngày 17/10/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn bạo lĩnh. Hiện đang tại ngoại ở địa phương. *Có mặt*

- Nguyên đơn Dân sự: Cục Thuế tỉnh H

Đại diện hợp pháp:

Ông Đinh Nho H- Cục trưởng Cục Thuế tỉnh H. *Vắng mặt*

Đại diện được cử:

1. Ông Trương Quang L- Phó Cục trưởng Cục Thuế tỉnh H
2. Ông Nguyễn Cảnh B- Trưởng Phòng Tuyên truyền hỗ trợ người nộp thuế
3. Ông Trần T- Phó Trưởng phòng kiểm tra nội bộ Cục Thuế
4. Ông Nguyễn Văn P- Phó Trưởng phòng Tổng hợp, nghiệp vụ, dự toán
5. Ông Hồ Đức T- Phó Trưởng phòng Tuyên truyền hỗ trợ người nộp thuế
6. Ông Phạm Tiến P- Cán bộ Phòng kiểm tra nội bộ Cục thuế

Đại diện được cử đều có mặt

- Người làm chứng:

1. Bà Trần Thị T; Sinh năm: 1981;
Trú tại: Số nhà 296, đường H, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh. *Có mặt*
2. Bà Trần Thị H; Sinh năm: 1982;
Trú tại: Thôn T, xã Thạch T, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh. *Có mặt*
3. Anh Phạm Mạnh H; Sinh năm: 1987;
Trú tại: Thôn T 1, xã Vạn H, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. *Vắng mặt*
4. Chị Nguyễn Thị T; Sinh năm: 1984;
Trú tại: Xóm T, xã C, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh. *Vắng mặt*
5. Chị Trần Thị Hằng N; Sinh năm: 1982;
Trú tại: Xóm B, xã T, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh. *Có mặt*
6. Chị Nguyễn Thùy D; Sinh năm: 1986;
Trú tại: Số nhà 245B, đường T, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh. *Có mặt*
7. Đặng Anh Q; Sinh năm: 1994;
Trú tại: Khối phố 9, phường T, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh. *Vắng mặt*
8. Chị Đào Thị Thanh T; Sinh năm: 1987;
Trú tại: Thôn H, xã Thạch Hưng, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh. *Có mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Doanh nghiệp tư nhân Đ (DNTN Đ) được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 300037637 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Hà Tĩnh cấp lần đầu ngày 25/4/2006 và thay đổi lần thứ nhất ngày 16/5/2011; có địa chỉ số 296, đường H, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh; với ngành nghề kinh doanh đá Granite; do Đặng Tiến Đ làm Giám đốc, đồng thời là chủ doanh nghiệp điều hành và chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của doanh nghiệp.

Đầu năm 2014, Đặng Tiến Đ đặt vấn đề với anh Phạm Mạnh H (sinh năm 1987; trú tại: huyện V, tỉnh Khánh Hòa) là Phó Giám đốc Công ty TNHH S có trụ sở tại huyện V, tỉnh Khánh Hòa thu mua mặt hàng đá Granite không có hóa đơn, chứng từ cho DNTN Đ. Đặng Tiến Đ thỏa thuận với anh Phạm Mạnh H về số lượng, chủng loại và giá cả nhưng không ký kết hợp đồng kinh tế. Từ tháng 4/2014 đến tháng 9/2015, anh Phạm Mạnh H đã trực tiếp thu mua của các cá nhân, tổ chức khai thác trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa tổng số lượng 66.454,98m² đá Granite bán cho Đặng Tiến Đ. Sau khi thu mua đá Granite, anh H thuê ô tô vận chuyên hàng từ đơn vị thu mua đến cảng V (tỉnh Phú Yên) đóng thành kiện, bốc xếp lên tàu thủy vận chuyên đến cảng X (tỉnh Hà Tĩnh) cho DNTN Đ bằng 06 chuyến tàu thủy của các đơn vị vận tải biển là công ty TNHH H và Công ty TNHH vận tải biển H. Cụ thể:

Chuyến thứ nhất: Ngày 08/5/2014, tàu B 388 nhận 224 kiện hàng là 11.876,6m² đá Granite tại cảng V đến ngày 11/5/2014 giao hàng tại cảng X.

Chuyến thứ hai: Ngày 31/8/2014, tàu B 388 nhận 163 kiện hàng là 9.145,6m² đá Granite tại cảng V đến ngày 07/9/2014 giao hàng tại cảng X.

Chuyến thứ ba: Ngày 15/10/2014, tàu B 288 nhận 167 kiện hàng là 10.287,96m² đá Granite tại cảng V đến ngày 28/10/2014 giao hàng tại cảng X.

Chuyến thứ tư: Ngày 24/01/2015, tàu B 63 nhận 192 kiện hàng là 11.464,78 m² đá Granite tại cảng V đến ngày 30/01/2015 giao hàng tại cảng X.

Chuyến thứ năm: Ngày 07/6/2015, tàu B 36 nhận 170 kiện hàng là 10.621,08m² đá Granite tại cảng V đến ngày 12/6/2015 giao hàng tại cảng X.

Chuyến thứ sáu: Ngày 31/8/2015, tàu H 68 nhận 194 kiện hàng là 13.058,96m² đá Granite tại cảng V đến ngày 05/9/2015 giao hàng tại cảng X.

Sau khi hàng được bốc xếp lên tàu xuất cảng V, anh Phạm Mạnh H lập các bảng đối chiếu công nợ kèm theo list hàng cụ thể gửi từ địa chỉ mail: congtys@gmail.com đến địa chỉ mail của DNTN Đ là duct@gmail.com Sau khi hàng cập cảng X, Đặng Tiến Đ cho chuyển đá Granite nói trên về kho của DNTN Đ đóng tại xã Thạch B, thành phố Hà Tĩnh và trực tiếp tiến hành đối chiếu số lượng hàng hóa và công nợ. Để trốn tránh sự kiểm tra phát hiện của cơ quan chức năng, Đặng Tiến Đ không sử dụng tài khoản của DNTN Đ mà trực tiếp chỉ đạo chị Trần Thị H, chị Đào Thị Thanh T, chị Nguyễn Thị T, chị Trần Thị Hằng N là kế toán DNTN Đ và chị Trần Thị Th là vợ thực hiện 32 lần chuyển khoản hoặc nộp tiền mặt vào tài khoản số 4705205124080 thuộc hệ thống Ngân hàng N và phát triển N Việt Nam chi nhánh huyện V, tỉnh Khánh Hòa của anh Phạm Mạnh H với tổng số tiền 11.172.480.000đ để thanh toán tiền mua hàng. Toàn bộ số lượng 66.454,98m² đá Granite nói trên, Đặng Tiến Đ chỉ đạo nhân viên bán ra thị trường nhưng không lập hóa đơn, sổ sách kế toán của doanh nghiệp để hạch toán và kê khai thuế theo quy định.

Tại Kết luận giám định tư pháp ngày 26/5/2017 của Tổ Giám định được cử theo Quyết định số 768/QĐ-TCT ngày 22/5/2017 của Tổng cục thuế: hành vi mua bán không có hóa đơn đề ngoài sổ sách, không kê khai thuế với số lượng 66.454,98m² đá Granite trong năm 2014 và 2015 của DNTN Đ là hành vi trốn thuế quy định tại khoản 2 Điều 108 Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006; điểm đ khoản 1 Điều 11 Nghị định số 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính Phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế quy định xử phạt đối với hành vi trốn thuế, gian lận thuế; điểm đ khoản 1 Điều 13 Thông tư số 166/2013/TT-BTC ngày 15/11/2013 của Bộ Tài chính quy định chi tiết về xử phạt vi phạm hành chính về thuế. Tổng số thuế DNTN Đ không kê khai, trốn thuế là 2.067.950.314đ, cụ thể: năm 2014 trốn thuế số tiền 738.459.443đ, trong đó thuế GTGT 648.112.553đ và thuế TNDN 90.346.890đ; năm 2015 trốn thuế số tiền 1.329.490.871đ, trong đó thuế GTGT 1.190.233.546đ và thuế TNDN 139.257.325đ.

Hiện nay, Đặng Tiến Đ đã tự nguyện nộp đủ số tiền trốn thuế là 2.067.950.314đ để khắc phục hậu quả.

Tại phiên tòa, bị cáo Đặng Đức T thừa nhận hành vi trốn thuế và trình bày trong các năm 2014 và năm 2015 là chủ DNTN Đ đã mua 66.454,98m² đá Granite của Phạm Mạnh H với tổng số tiền 11.172.480.000đ. Bị cáo Đ không sử dụng tài khoản doanh nghiệp mà chỉ đạo cho các kế toán và vợ bị cáo phương thức thanh toán số hàng này là chuyển hoặc nộp tiền mặt qua tài khoản cá nhân của Phạm Mạnh H. Toàn bộ số hàng này, bị cáo Đ chỉ đạo nhân viên bán hết ra thị trường nhưng không hạch toán và kê khai thuế với mục đích trốn thuế. Bị cáo Đ đồng ý với kết luận giám định tư pháp của Tổ giám định số tiền trốn thuế là 2.067.950.314đ. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa đều trình bày thực hiện nhiệm vụ do bị cáo Đ phân công và không hề biết mục đích cũng như hành vi trốn thuế bị cáo thực hiện. Đại diện của nguyên đơn dân sự Cục Thuế tỉnh Hà Tĩnh truy thu số tiền bị cáo trốn thuế 2.067.950.314đ. Trong đó số tiền 1.157.143.345đ mà Cục thuế tỉnh Hà Tĩnh chưa thực hiện hoàn trả theo quyết định tại Điều 1 Quyết định số 1103/QĐ-CT ngày 31/5/2017 của Cục Thuế tỉnh Hà Tĩnh đã được Cục thuế tỉnh Hà Tĩnh xử lý theo quy định; yêu cầu tiếp tục xử lý số tiền thuế 910.806.969đ còn lại chuyển tới Chi cục Thuế thành phố Hà Tĩnh.

Bản cáo trạng số 02/CTr-KSĐT ngày 25/12/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh truy tố bị cáo Đặng Đ Tiến về tội “Trốn thuế” theo quy định tại khoản 3 Điều 161 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Từ các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa cho thấy hành vi của bị cáo Đặng Tiến Đ có đủ yếu tố cấu thành tội Trốn thuế. Và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1, 2 Điều 65, khoản 3 Điều 200 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt Đặng Đ Tiến từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Trốn thuế"; áp dụng khoản 4 Điều 200 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bổ sung đối với Đặng Tiến 30.000.000đ đến 40.000.000đ.

Bị cáo Đ, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và nguyên đơn dân sự có mặt tại phiên tòa đều không có ý kiến tranh luận. Trong lời nói sau cùng, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo và nguyên đơn dân sự đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Xét lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác và tài liệu có trong hồ sơ. Xác định được: các năm 2014 và năm 2015, bị cáo Đặng Tiến Đ mua 66.454,98m² đá Granite không có hóa đơn, chứng từ của Phạm Mạnh H với tổng số tiền 11.172.480.000đ. Toàn bộ số hàng trên, bị cáo Đ chỉ đạo nhân viên bán hết ra thị trường nhưng không xuất hóa đơn bán hàng hóa, không ghi chép các khoản thu có được vào trong sổ kế toán liên quan đến xác định số thuế, kê khai thuế phải nộp.

Bị cáo Đặng Tiến Đ là giám đốc, đồng thời là chủ DNTN Đ kinh doanh mặt hàng đá Granite từ năm 2006 đến nay. Bị cáo Đ hoàn toàn có nhận thức và hiểu biết về quyền hạn và trách nhiệm của chủ doanh nghiệp trong hoạt động kinh doanh của một doanh nghiệp tư nhân. Tuy nhiên, bị cáo Đ vẫn thực hiện hành vi không ghi chép trong sổ kế toán các khoản chi, thu liên quan đến việc xác định số thuế phải nộp và không xuất hóa đơn khi bán hàng hóa để trốn nghĩa vụ nộp thuế theo quy định tại Điều 7 Luật Quản lý thuế với mục đích thu lợi. Số tiền trốn thuế của bị cáo Đ là 2.067.950.314đ. Bị cáo Đ có đầy đủ năng lực hành vi, năng lực pháp luật. Như vậy, Hội đồng xét xử có đầy đủ căn cứ kết tội Đặng Tiến Đ phạm tội “Trốn thuế” quy định tại khoản 3 Điều 161 Bộ luật hình sự năm 1999: “Phạm tội trốn thuế với số tiền từ năm trăm triệu đồng trở lên hoặc trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng khác, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm”. Tuy nhiên, tội Trốn thuế theo quy định khoản 3 Điều 200 Bộ luật hình sự năm 2015 có mức hình phạt nhẹ hơn: “Phạm tội trốn thuế với số tiền 1.000.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tiền từ 1.500.000.000 đồng đến 4.500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 02 năm đến 07 năm”. Căn cứ khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 và điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội áp dụng quy định có lợi cho người phạm tội, Hội đồng xét xử xác định hành vi Trốn thuế của Đặng Tiến Đ vi phạm khoản 3 Điều 200 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội nhiều lần quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo có nhân thân tốt; không có tiền án, tiền sự; có bố là người có công được nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến; được chính quyền địa phương xác nhận có đóng góp tích cực cho cộng đồng; bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo; bị cáo tự nguyện khắc phục hậu quả nên cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Hành vi của của bị cáo Đặng Tiến Đ đã xâm phạm nghiêm trọng chính sách quản lý Nhà nước về kinh tế. Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; tính chất; mức độ; hậu quả từ hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy: cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm minh để đảm bảo việc răn đe và giáo dục đối với bị cáo và các doanh nghiệp khác trên địa bàn về tuân thủ, thực hiện các nghĩa vụ trong hoạt động kinh doanh của mình mà Nhà nước quy định. Tuy nhiên, bị cáo có nhiều tình tiết

giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hoạt động của DNTN Đ do bị cáo làm chủ tạo ra nhiều việc làm cho người lao động trên địa bàn nên không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Người phạm tội trốn thuế còn có thể bị hình phạt bổ sung theo khoản 4 Điều 161 Bộ luật hình sự năm 1999: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ một lần đến ba lần số tiền trốn thuế”. Tuy nhiên, tội trốn thuế quy định tại khoản 4 Điều 200 Bộ luật hình sự năm 2015 có mức phạt nhẹ hơn: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”. Căn cứ tính chất, mức độ, hậu quả từ hành vi phạm tội của bị cáo; Căn cứ khoản 3 Điều 7, khoản 2, 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 2015 và điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội về thi hành Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 về áp dụng quy định có lợi cho người phạm tội, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 4 Điều 200 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bổ sung đối với bị cáo Tiến Đ bằng hình thức phạt tiền.

Xét luận tội của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng pháp luật, về mức án đề nghị là thỏa đáng.

Trong vụ án này, chị Trần Thị Th, chị Trần Thị H, chị Đào Thị Thanh T, chị Nguyễn Thị T và chị Trần Thị Hằng N là kế toán của DNTN Đ đã thực hiện việc chuyển khoản, gửi tiền theo chỉ đạo của Đặng Đức T vào tài khoản của Phạm Mạnh để thanh toán tiền mua đá Granite; anh Phạm Mạnh H đã thu gom 66.454,98m² đá Granite bán cho Đặng Tiến Đ. Xét khi thực hiện những hành vi nói trên thì những người này không biết mục đích trốn thuế của Đặng Tiến Đ nên Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự là có căn cứ.

Về biện pháp tư pháp: Bị cáo đã nộp đầy đủ số tiền thuế trốn là 2.067.950.314đ. Trong đó, số tiền 1.157.143.345đ mà Cục thuế tỉnh Hà Tĩnh chưa thực hiện hoàn trả theo quyết định tại Điều 1 Quyết định số 1103/QĐ-CT ngày 31/5/2017 của Cục Thuế tỉnh Hà Tĩnh đã được Cục thuế tỉnh Hà Tĩnh xử lý theo quy định; số tiền 910.806.969đ theo yêu cầu của Nguyên đơn dân sự nộp vào Ngân sách nhà nước tỉnh Hà Tĩnh theo tài khoản cơ quan quản lý thu Chi cục Thuế thành phố Hà Tĩnh do từ 30/11/2015 về trước Chi cục Thuế thành phố Hà Tĩnh quản lý việc thu thuế đối với DNTN Đức Thủy. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Nguyên đơn dân sự là có căn cứ được chấp nhận.

Về xử lý vật chứng: Cần áp dụng khoản 1 Điều 106 của BLTTHS, tịch thu lưu giữ theo hồ sơ vụ án: trích sao các bảng kê hàng hóa xuất cảng, nhập cảng tại cảng V, cảng X; bảng đối chiếu công nợ từ mail của anh Phạm Mạnh H; chứng từ, tài liệu liên quan hoạt động của DNTN Đ do Cục Thuế tỉnh Hà Tĩnh chuyển đến; nội dung các tin nhắn Đặng Tiến Đ gửi cho anh Phạm Mạnh H; các chứng từ, lệnh giao dịch, biên bản kiểm kê giao nhận hàng, các biên bản đối chiếu công nợ do anh Phạm Mạnh H giao nộp và các chứng từ, hợp đồng kinh tế, tài liệu liên quan hoạt động DNTN Đ.

Hội đồng xét xử kiến nghị Cục Thuế tỉnh Hà Tĩnh nghiêm túc tiến hành phân tích, lựa chọn những doanh nghiệp có rủi ro cao để xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra. Đặc biệt cần tăng cường việc thanh tra thuế, phúc tra hoàn thuế tại các doanh nghiệp đảm bảo cho việc thực hiện đúng các chính sách quản lý Nhà nước về kinh tế của các doanh nghiệp trên địa bàn. Ngoài ra, ngay khi phát hiện có dấu hiệu phạm tội, Cục thuế tỉnh Hà Tĩnh phải báo ngay cho Cơ quan điều tra để xử lý kịp thời.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: **Đặng Tiến Đ** phạm “**Tội trốn thuế**”.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; khoản 3 Điều 7; khoản 3 Điều 200; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1, 2 Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt: **Đặng Tiến Đ 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo**. Thời gian thử thách 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án.

Giao Đặng Tiến Đ cho UBND phường H, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; khoản 3 Điều 7; khoản 2, 3 Điều 35; khoản 4 Điều 200 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt Đặng Tiến Đ 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) và buộc phải nộp một lần.

Về biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999 tịch thu số tiền 2.067.950.314đ của Đặng Tiến Đ sung Ngân sách nhà nước tỉnh Hà Tĩnh. Trong đó, số tiền 1.157.143.345đ mà Cục thuế tỉnh Hà Tĩnh chưa thực hiện hoàn trả theo quyết định tại Điều 1 Quyết định số 1103/QĐ-CT ngày 31/5/2017 của Cục Thuế tỉnh Hà Tĩnh đã được Cục thuế tỉnh Hà Tĩnh xử lý theo quy định; số tiền 910.806.969đ có trong tài khoản tạm giữ của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Tĩnh phải nộp vào Ngân sách nhà nước tỉnh Hà Tĩnh theo tài khoản cơ quan quản lý thu là Chi cục Thuế thành phố Hà Tĩnh.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 106 của BLTTHS, tịch thu lưu giữ theo hồ sơ vụ án: trích sao các bảng kê hàng hóa xuất cảng, nhập cảng tại cảng V, cảng X; bảng đối chiếu công nợ từ mail của anh Phạm Mạnh H; chứng từ, tài liệu liên quan hoạt động của DNTN Đ do Cục Thuế tỉnh Hà Tĩnh chuyển đến; nội dung các tin nhắn Đặng Tiến Đ gửi cho anh Phạm Mạnh H; các chứng từ, lệnh giao dịch, biên bản kiểm kê giao nhận hàng, các biên bản đối chiếu công nợ do anh Phạm Mạnh H giao nộp và các chứng từ, hợp đồng kinh tế, tài liệu liên quan hoạt động DNTN Đ.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Đặng Tiến Đ phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, nguyên đơn dân sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND Tp Hà Tĩnh;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- THAPT;
- THADS Tp Hà Tĩnh;
- Công an Tp Hà Tĩnh;
- Bị cáo;
- Nguyên đơn dân sự;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Đức Chính